

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN LINH

MÔN: LỊCH SỬ – LỚP 10

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian làm bài: 45 phút

Ngày kiểm tra: / / 2023

## I. MỤC ĐÍCH

### 1. Kiến thức

- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của cách mạng công nghiệp thời cận đại.
- Học sinh rút ra được nội dung liên quan đến cách mạng công nghiệp thời cận đại dựa vào tư liệu cho sẵn.
- Trình bày được, những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa lịch sử của cách mạng công nghiệp thời hiện đại.
- Lí giải được trong cách mạng công nghiệp lần thứ ba, lần 4, thành tựu có vai trò then chốt.
- Nêu được hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.
- Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á: tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học, kiến trúc và điêu khắc,...
- Nêu và phân tích được cơ sở hình thành về điều kiện tự nhiên và cơ sở kinh tế - xã hội của văn minh Văn Lang - Âu Lạc.
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Văn Lang - Âu Lạc về: Sự ra đời của nhà nước, hoạt động kinh tế, đời sống vật chất, đời sống tinh thần.
- Biết vận dụng những hiểu biết về văn minh Văn Lang – Âu Lạc để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Nhận thức được giá trị của nền văn minh đầu tiên trên đất nước Việt Nam. Có ý thức trân trọng và trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hóa của dân tộc.

### 2. Năng lực

- Lựa chọn, trình bày vấn đề lịch sử.
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy.
- Phân tích, nhận xét, đánh giá, liên hệ thực tiễn.

### 3. Phẩm chất

- Trung thực: tự giác làm bài kiểm tra.
- Chăm chỉ: Ôn bài nghiêm túc, phát huy hết khả năng của mình.

## II. HÌNH THỨC: kết hợp trắc nghiệm và tự luận

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - MÔN: LỊCH SỬ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

| STT       | NỘI DUNG KIẾN THỨC                                    | ĐƠN VỊ KIẾN THỨC                                                               | CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC |           |       |           |            |           |       |           |               |           |       |           |              |           |       |           | Tổng số câu |       | Tổng thời gian | TỈ LỆ % |
|-----------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------|-------|-----------|------------|-----------|-------|-----------|---------------|-----------|-------|-----------|--------------|-----------|-------|-----------|-------------|-------|----------------|---------|
|           |                                                       |                                                                                | NHẬN BIẾT                     |           |       |           | THÔNG HIỂU |           |       |           | VẬN DỤNG THẤP |           |       |           | VẬN DỤNG CAO |           |       |           |             |       |                |         |
|           |                                                       |                                                                                | Ch TN                         | Thời gian | ch TL | Thời gian | Ch TN      | Thời gian | ch TL | Thời gian | Ch TN         | Thời gian | ch TL | Thời gian | Ch TN        | Thời gian | ch TL | Thời gian | Ch TN       | Ch TL |                |         |
| 1         | CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI | Cách mạng công nghiệp thời cận đại                                             | -                             | -         | -     | -         | -          | -         | -     | -         | -             | -         | -     | -         | -            | -         | 1     | 7         | -           | 1     | 7              | 10%     |
|           |                                                       | Cách mạng công nghiệp thời hiện đại                                            | -                             | -         | -     | -         | -          | -         | 1     | 12        | -             | -         | -     | -         | -            | -         | -     | -         | -           | 1     | 12             | 30%     |
| 2         | VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI               | Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại | 8                             | 8         | -     | -         | -          | -         | -     | -         | -             | -         | -     | -         | -            | -         | -     | -         | 8           | -     | 8              | 20%     |
| 3         | VĂN MINH VĂN LANG - ÂU LẠC                            | Văn minh Văn Lang - Âu Lạc                                                     | 8                             | 8         | -     | -         | -          | -         | -     | -         | -             | -         | 1     | 10        | -            | -         | -     | -         | 8           | 1     | 18             | 40%     |
| Tổng      |                                                       |                                                                                | 16                            | 16        | -     | -         | -          | -         | 1     | 12p       | 0             | 0         | 1     | 10p       | -            | -         | 1     | 7p        | 16          | 3     | 45             |         |
| Tỉ lệ     |                                                       |                                                                                | 40%                           |           |       |           | 30%        |           |       |           | 20%           |           |       |           | 10%          |           |       |           |             | 100 % |                | 100%    |
| Tổng điểm |                                                       |                                                                                | 4 điểm                        |           |       |           | 3 điểm     |           |       |           | 2 điểm        |           |       |           | 1 điểm       |           |       |           |             |       |                | 10      |

#### IV. ĐẶC TẢ THEO MA TRẬN

### BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN: LỊCH SỬ 10 – THỜI GIAN: 45’

| TT | Nội dung kiến thức                                           | Đơn vị kiến thức                                                                      | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức         |                 |          |                 |
|----|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|----------|-----------------|
|    |                                                              |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Nhận biết                                | Thông hiểu      | Vận dụng | Vận dụng cao    |
| 1  | <b>CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI</b> | <b>Cách mạng công nghiệp thời cận đại</b>                                             | <b>Vận dụng cao:</b><br>- Học sinh dựa vào đoạn tư liệu có sẵn rút ra nội dung hoặc nêu nhận xét, đánh giá,...<br>- Chọn và lí giải được đối với bản thân ấn tượng với thành tựu nào nhất trong cách mạng công nghiệp thời cận đại.                                                                                                                                                       | -                                        | -               | -        | Câu 1 – tự luận |
|    |                                                              | <b>Cách mạng công nghiệp thời hiện đại</b>                                            | <b>Thông hiểu:</b><br>- Trình bày được, những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa lịch sử của cách mạng công nghiệp thời hiện đại.<br>- Lí giải được trong cách mạng công nghiệp lần thứ ba, lần 4, thành tựu có vai trò then chốt.                                                                                                                                                            | -                                        | Câu 2 - Tự luận | -        | -               |
| 2  | <b>VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI</b>               | <b>Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại</b> | <b>Nhận biết:</b><br>– Nêu được hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại.<br>– Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á: tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học, kiến trúc và điêu khắc,...                                                                                                                                                | 8 – Câu 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 TN        | -               | -        | -               |
| 3  | <b>VĂN MINH VĂN LANG - ÂU LẠC</b>                            | <b>Văn minh Văn Lang - Âu Lạc</b>                                                     | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được cơ sở hình thành về điều kiện tự nhiên và cơ sở kinh tế - xã hội của văn minh Văn Lang - Âu Lạc.<br>- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Văn Lang - Âu Lạc về: Sự ra đời của nhà nước, hoạt động kinh tế, đời sống vật chất, đời sống tinh thần.<br><b>Vận dụng thấp:</b> HS phân tích được cơ sở hình thành của văn minh Văn Lang – Âu Lạc. | 8 - Câu 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 TN | -               | Câu 3 TL | -               |

# HƯỚNG DẪN NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

## LỊCH SỬ 10 (Năm học: 2023 - 2024)

Họ và tên:.....Lớp:.....

### I. PHẦN TỰ LUẬN

#### **Câu 1. Phân tích cơ sở hình thành về điều kiện tự nhiên của văn minh Văn Lang - Âu Lạc.**

- Văn minh Văn Lang - Âu Lạc hình thành trên cơ sở điều kiện tự nhiên là:
- Hình thành trên lưu vực các dòng sông lớn (sông Hồng, sông Mã, sông Cả...) ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam ngày nay.
- Khí hậu nhiệt đới gió mùa, nắng ẩm, mưa nhiều.
- Hình thành một trong những nền văn minh lúa nước đầu tiên.
- Giàu khoáng sản (đồng, sắt, thiếc, chì,...).
- Là cơ sở cho sự ra đời sớm các nghề thủ công.

#### **Câu 2. Phân tích cơ sở hình thành về kinh tế - xã hội của văn minh Văn Lang - Âu Lạc.**

- Cư dân bản địa thuộc các nhóm Nam Á và Thái - Ka-dai theo thời gian dần hoà nhập, tạo nên cộng đồng người Việt cổ.
- Văn hoá giàu bản sắc, đặc tính thống nhất trong đa dạng.
- Văn minh Văn Lang – Âu Lạc nằm trong giai đoạn văn hóa Đông Sơn đã phát triển trong thời đại kim khí, mang đặc trưng của nền kinh tế nông nghiệp lúa nước, với kỹ thuật đúc đồng đạt đến mức hoàn thiện, trên nền tảng kết nối dân cư.
- => Sự phát triển kinh tế dẫn đến sự tan rã của xã hội nguyên thủy, phân hóa xã hội và sự ra đời của nhà nước.

#### **Câu 3. Trình bày thành tựu văn minh Văn Lang - Âu Lạc về đời sống vật chất.**

- Ăn: Gạo là nguồn lương thực chính. Ngoài ra còn có cá, rau,...
- Mặc: Nam đóng khố, mình trần, đi chân đất. Nữ mặc váy, áo. Ngày lễ họ đeo đồ trang sức.
- Ở: sống định cư thành làng, xóm và làm nhà sàn để ở.
- Phương tiện đi lại và vận chuyển phổ biến là thuyền và xe kéo bởi vật nuôi như trâu, bò, ngựa,...

#### **Câu 4. Trình bày thành tựu văn minh Văn Lang - Âu Lạc về đời sống tinh thần.**

- Tín ngưỡng thờ Mặt Trời, thờ vật tổ, sùng bái tự nhiên, tín ngưỡng phồn thực. Thịnh hành tục thờ cúng tổ tiên, thờ Mẫu, thờ cúng những người có công dựng nước và giữ nước.
- Có nền văn học truyền miệng phát triển: Lạc Long Quân và Âu Cơ, Sơn Tinh - Thủy Tinh, Thánh Gióng, Bánh chưng, bánh giầy, Trầu cau,...
- Đời sống xã hội gắn liền với lễ hội.
- Người Việt cổ có tục ăn trầu, nhuộm răng, xăm mình,...

#### **Câu 5. Trình bày thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ ba (Cách mạng kỹ thuật số)**

- Thời gian: nửa sau thế kỷ XX. Khởi đầu từ nước Mỹ.
- Thành tựu:
- + Khoa học cơ bản: sinh sản vô tính, giải mã ADN, tia laser,...
- + Cách mạng xanh trong nông nghiệp → góp phần giải quyết vấn đề lương thực và thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa ở nhiều nước.
- + Nhiều công cụ sản xuất mới ra đời nhằm tự động hóa sản xuất dựa vào máy tính: thiết bị điện tử,...
- + Vật liệu mới, năng lượng mới được sử dụng rộng rãi.
- + Giao thông vận tải, thông tin liên lạc và chinh phục vũ trụ: máy bay siêu âm, tàu hỏa siêu tốc,...

#### **Câu 6. Trình bày thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng 4.0)**

- Thế kỷ XXI, quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ.
- Ba cuộc cách mạng công nghiệp đã diễn ra đã để lại nhiều thành tựu to lớn.
- Thế giới đang đối mặt với nhiều thách thức.
- Thành tựu: + Công nghệ thông tin phát triển mạnh, hình thành mạng máy tính toàn cầu → kết nối các khu vực, đưa nhân loại chuyển sang thời kỳ “văn minh thông tin”.
- + Công nghệ IoT: áp dụng vào các lĩnh vực nông nghiệp, y dược, chế biến thực phẩm, bảo vệ môi trường,...
- + Y tế: cỗ máy IBM Oát-xon.

- + Vật lí: các người máy thế hệ mới, máy in 3D, xe tự lái,...
- + Tự động hoá sử dụng hệ thống điều khiển giảm sự can thiệp của con người đến mức tối thiểu.

### **Câu 7. Ý nghĩa của cách mạng công nghiệp thời hiện đại.**

#### **a. Kinh tế**

- Tạo ra bước nhảy vọt chưa từng có của lực lượng sản xuất và năng suất lao động. Xuất hiện nhiều ngành công nghiệp mới.
- Tạo ra một thế giới kết nối. Lao động trí tuệ trở thành yếu tố quan trọng nhất trong sản xuất, là động lực chủ yếu tạo nên sự phát triển.

#### **b. Xã hội**

- Làm cho sự phân công lao động và chuyên môn hoá ngày càng sâu sắc. Các ngành sản xuất phi vật chất (giáo dục, du lịch, giao thông vận tải, tài chính, ngân hàng,...) ngày càng được nâng cao.
- làm thay đổi cách nghĩ, lối sống, phương thức làm việc và quan hệ của con người trong xã hội.
- Hạn chế: Tình trạng thất nghiệp gia tăng, dẫn đến những nguy cơ bất ổn về chính trị và xã hội.

#### **c. Văn hóa**

- Thúc đẩy sự đa dạng văn hoá trên cơ sở kết nối, giao lưu văn hóa giữa các quốc gia, khu vực.
- Con người có thể tìm kiếm, trao đổi thông tin, giao tiếp qua các ứng dụng trong không gian mạng.
- Hạn chế: Sự xung đột giữa các giá trị văn hóa, lối sống truyền thống và hiện đại; đặt ra nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.

## **II. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Địa bàn chủ yếu của quốc gia Văn Lang - Âu Lạc tương ứng với khu vực nào sau đây?

- A. Bắc Bộ và Nam Bộ Việt Nam ngày nay.
- B. Trung Bộ và Nam Bộ Việt Nam ngày nay.
- C. Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam ngày nay.
- D. Nam Trung Bộ và Nam Bộ Việt Nam ngày nay.

**Câu 2.** Trong đời sống thường ngày, nam giới người Việt cổ mặc trang phục như thế nào?

- A. Mặc áo the, đội khăn xếp, đi guốc mộc.
- B. Mặc áo ngắn, đóng khố, đi guốc mộc.
- C. Đóng khố, đi dép làm từ mo cau.
- D. Đóng khố, để mình trần, đi chân đất.

**Câu 3.** Nội dung nào dưới đây mô tả **không đúng** bộ máy nhà nước thời Văn Lang?

- A. Cả nước được chia làm 30 bộ.
- B. Lạc tướng đứng đầu các bộ.
- C. Đứng đầu đất nước là Vua Hùng.
- D. Bò chính cai quản các chiềng, chạ.

**Câu 4.** Người Việt cổ **không** có phong tục nào dưới đây?

- A. Ăn trầu.
- B. Xăm mình.
- C. Đón Tết dương lịch, lễ Giáng sinh.
- D. Làm bánh chưng, bánh dày.

**Câu 5.** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng các tín ngưỡng của người Việt cổ?

- A. Thờ các vị thần tự nhiên.
- B. Thờ cúng tổ tiên.
- C. Thờ Thiên Chúa.
- D. Thờ các vị thủ lĩnh.

**Câu 6.** Nội dung nào sau đây mô tả **không đúng** về nhà nước Âu Lạc?

- A. Đứng đầu nhà nước là An Dương Vương.
- B. Kinh đô đóng tại vùng Phong Khê.
- C. Có vũ khí tốt, thành Cổ Loa kiên cố.
- D. Lãnh thổ thu hẹp hơn so với Văn Lang.

**Câu 7.** Loại hình nhà ở phổ biến của người Việt cổ là

- A. nhà tranh vách đất.
- B. nhà trệt xây từ gạch.
- C. nhà mái bằng xây từ gạch.
- D. nhà sàn làm từ gỗ, tre, nứa.

**Câu 8.** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng cơ sở về điều kiện tự nhiên dẫn đến sự hình thành của văn minh Văn Lang - Âu Lạc?

- A. Phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Đông giáp biển.
- B. Chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- C. Nguồn tài nguyên khoáng sản nghèo nàn.
- D. Có nhiều sông lớn, đồng bằng màu mỡ.

**Câu 9.** Điểm vượt trội về kĩ thuật quân sự của nhà nước Âu Lạc so với nhà nước Văn Lang là

- A. sáng chế ra mũi tên tẩm độc dược mạnh.
- B. sáng chế ra hệ thống súng bắn đá tiên tiến.
- C. sáng chế ra nỏ có thể bắn nhiều mũi tên một lần.
- D. sáng chế ra súng thần công với uy lực mạnh mẽ.

**Câu 10.** Sự giàu có về khoáng sản là cơ sở cho sự ra đời sớm của ngành kinh tế nào ở các quốc gia Văn Lang -

Âu Lạc?

A. Nông nghiệp. B. Thương nghiệp. C. Thủ công nghiệp. D. Công nghiệp.

**Câu 11.** Cư dân bản địa ở đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam thuộc nhóm người nào?

A. Nam Á và Thái - Ka-dai. B. Mường và Mông - Dao.  
C. Nam Đảo và Mường. D. Mông Cổ và Mãn.

**Câu 12.** Văn minh Văn Lang - Âu Lạc thuộc nền văn hóa nào sau đây?

A. Văn hóa Đông Sơn. B. Văn hóa Óc Eo. C. Văn hóa Sa Huỳnh. D. Văn hóa Hòa Bình.

**Câu 13.** Văn minh Văn Lang - Âu Lạc mang đặc trưng của nền kinh tế nào?

A. Kinh tế thương mại đường biển. B. Kinh tế nông nghiệp lúa nước.  
C. Kinh tế thủ công nghiệp. D. Kinh tế thương mại đường bộ.

**Câu 14.** Nguồn lương thực chính của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là

A. cá. B. rau. C. thịt. D. gạo.

**Câu 15.** Văn học thời kì Văn Lang - Âu Lạc là nền văn học

A. chữ viết. B. chữ Hán. C. truyền miệng. D. chữ Quốc ngữ.

**Câu 16.** Người đứng đầu nhà nước Âu Lạc là

A. Hùng Vương. B. Trưng Vương. C. Ngô Vương. D. An Dương Vương.

**Câu 17.** Quốc gia nào sau đây là nhà nước đầu tiên ở Việt Nam?

A. Phù Nam. B. Chăm-pa. C. Âu Lạc. D. Văn Lang.

**Câu 18.** Kinh đô của nhà nước Văn Lang đặt ở

A. Phong Châu. B. Cổ Loa. C. Thăng Long. D. Đại La.

**Câu 19.** Một số tục lệ ma chay cưới xin và lễ hội trong quốc gia Văn Lang – Âu Lạc có nguồn gốc từ đâu?

A. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, biến on anh hùng dân tộc.  
B. Những ảnh hưởng của văn hóa Chăm pa, Phù Nam.  
C. Những ảnh hưởng của Hin-đu giáo và Phật giáo.  
D. Sự phát triển mạnh mẽ của nghệ thuật điêu khắc.

**Câu 20.** Những nghề thủ công nổi bật của người Việt cổ là

A. Đúc đồng, làm giấy in, đóng tàu, đồ gốm. B. Làm la bàn đi biển, làm mực in, dệt vải.  
C. Đúc đồng, đồ gốm, dệt vải. D. Đúc đồng, đánh cá, đồ gốm.

**Câu 21.** Cư dân nào đã mở đầu thời đại đồng thau ở Việt Nam?

A. Hòa Bình. B. Sơn Vi – Phú Thọ. C. Lai Châu. D. Phùng Nguyên.

**Câu 22.** Quốc hiệu nước ta dưới thời Hùng Vương là

A. Văn Lang. B. Âu Lạc. C. Đại Việt. D. Đại Cồ Việt.

**Câu 23.** Đặc điểm của bộ máy Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc là

A. Đã hoàn chỉnh, do vua Hùng đứng đầu. B. Khá hoàn chỉnh, đứng đầu là vua Hùng.  
C. Đơn giản, sơ khai, chưa hoàn chỉnh. D. Ra đời sớm nhất ở khu vực Đông Nam Á.

**Câu 24.** Thế kỉ XVI, tôn giáo mới du nhập từ phương Tây đến cho Đông Nam Á là

A. Phật giáo. B. Hin-đu giáo. C. Hồi giáo. D. Công giáo.

**Câu 25.** Thể loại văn học dân gian ra đời ở Đông Nam Á thời cổ trung đại là

A. truyện ngắn. B. kí sự. C. tản văn. D. thần thoại.

**Câu 26.** Sau khi chữ viết ra đời cư dân Đông Nam Á cổ trung đại đã tạo dựng nền văn học

A. dân gian. B. viết. C. chữ Hán. D. chữ Phạn.

**Câu 27.** Thời cổ trung đại, Hin-đu giáo du nhập vào Đông Nam Á là tôn giáo có nguồn gốc từ

A. Trung Quốc. B. phương Tây. C. Ấn Độ. D. Ả Rập.

**Câu 28.** Nghệ thuật kiến trúc Đông Nam Á thời kì cổ trung đại chịu ảnh hưởng mạnh mẽ kiến trúc Hồi giáo và kiến trúc

A. Ấn Độ. B. Trung Hoa. C. phương Tây. D. Nhật Bản.

**Câu 29.** Quần thể chùa tháp Pa-gan là một trung tâm kiến trúc kì vĩ nằm ở quốc gia Đông Nam Á nào?

A. Cam-pu-chia. B. Mi-an-ma. C. Ma-lai-xi-a. D. Thái Lan.

**Câu 30.** Công trình kiến trúc nào **không** thuộc Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại?

A. Đền tháp Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a). B. Kinh thành Huế (Việt Nam).

C. Đền Ăng-co-vát (Cam-pu-chia).

D. Chùa Vàng (Mi-an-ma).

**Câu 31.** Ba nhóm chính trong tín ngưỡng bản địa của Đông Nam Á **không** bao gồm

A. tín ngưỡng sùng bái tự nhiên.

B. tín ngưỡng phồn thực.

C. tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

D. Phật giáo, Nho giáo.

**Câu 32.** Tín ngưỡng, tôn giáo bắt nguồn từ Ấn Độ truyền sang các nước Đông Nam Á, hòa nhập với loại hình tín ngưỡng nào để tồn tại và phát triển?

A. Tín ngưỡng dân gian của cư dân bản địa.

B. Các tôn giáo bản địa.

C. Các hình tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

D. Tín ngưỡng thờ thần linh bản địa.

**Câu 33.** Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng sự phát triển của văn minh Đông Nam Á từ đầu công nguyên đến thế kỉ X?

A. Các quốc gia phong kiến bước vào giai đoạn khủng hoảng.

B. Hình thành những quốc gia phong kiến thống nhất, lớn mạnh.

C. Nhiều quốc gia sơ kì đã ra đời và bước đầu phát triển.

D. Văn minh phương Tây xâm nhập vào các nước Đông Nam Á.

**Câu 34.** Trên cơ sở chữ viết cổ Ấn Độ và Trung Quốc, cư dân các nước Đông Nam Á đã sáng tạo ra một hệ thống chữ viết riêng nhằm

A. chứng minh sự khác biệt giữa các thứ tiếng.

B. dùng làm ngôn ngữ liên quốc gia.

C. ghi lại ngôn ngữ bản địa của mình.

D. làm phong phú tiếng Hán và tiếng Phạn.

**Câu 35.** Từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, nhiều nước Đông Nam Á phải đối diện với

A. sự xâm chiếm và cai trị của người Mãn.

B. sự xâm chiếm và cai trị của người Hồi giáo.

C. sự xâm nhập của văn hóa Trung Hoa.

D. sự xâm nhập của các nước phương Tây.

**Câu 36.** Phật giáo được du nhập vào Đông Nam Á từ những quốc gia nào?

A. Trung Quốc và Ấn Độ.

B. A-rập và Ai Cập.

C. Ba Tư và Ấn Độ.

D. Trung Quốc và Nhật Bản.

**Câu 37.** Hồi giáo được du nhập vào Đông Nam Á thông qua con đường nào?

A. Áp đặt tôn giáo.

B. Thương mại biển.

C. Bành trướng xâm lược.

D. Buôn bán đường bộ.

**Câu 38.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về tín ngưỡng bản địa của cư dân Đông Nam Á?

A. Mang đậm ảnh hưởng từ bên ngoài.

B. Mang màu sắc tôn giáo rõ nét.

C. Là tín ngưỡng của cư dân du mục.

D. Lệ thuộc và gắn bó với thiên nhiên.

**Câu 39.** Loại chữ viết nào sau đây được sáng tạo trên cơ sở chữ Hán?

A. Chữ Chăm cổ.

B. Chữ Khơ-me cổ.

C. Chữ Miến cổ.

D. Chữ Nôm.

**Câu 40.** Loại chữ viết nào sau đây được sáng tạo trên cơ sở chữ Phạn?

A. Chữ Chăm –pa cổ.

B. Chữ Hán.

C. Chữ La-tinh.

D. Chữ giáp cốt.

**Câu 41.** Nội dung nào sau đây thể hiện tính bản địa trong tín ngưỡng của cư dân Đông Nam Á?

A. Bà La Môn giáo xuất hiện ở Đông Nam Á từ đầu công nguyên.

B. Phật giáo được du nhập vào Đông Nam Á cùng lúc với Bà La Môn giáo.

C. Hồi giáo có ảnh hưởng lớn ở Đông Nam Á với nhiều thành tựu.

D. Phổ biến các loại hình tôn giáo dựa trên tín ngưỡng vạn vật hữu linh.

**Câu 42.** Văn học viết ở Đông Nam Á ra đời muộn là do

A. nền văn học dân gian phát triển mạnh lần ất.

B. các quốc gia cổ Đông Nam Á có chữ viết muộn.

C. các vương triều cai trị có chính sách hạn chế văn học.

D. các quốc gia dân tộc ở đây chưa hình thành.

**\*\*\*CHÚC CÁC EM ÔN TẬP VÀ THI TỐT!\*\*\***